

Số: 01/2022/NQ-HDND

Đắk Nông, ngày 05 tháng 5 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 1696/TTr-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC

ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định tại Nghị quyết này.

### **Điều 2. Quy định mức tiền công thực hiện nhiệm vụ thi đối với giáo dục phổ thông**

Quy định mức tiền công cụ thể cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia do tỉnh Đắk Nông tổ chức (*Phụ lục chi tiết kèm theo*).

### **Điều 3. Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

1. Nội dung chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hội thi Giáo viên dạy giỏi, Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; hội thi Giáo dục Quốc phòng, an ninh; thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; kỳ thi nghề phổ thông; kỳ thi cấp chứng chỉ và các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác triển khai theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mức chi tiền công để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng nội dung, mức chi theo phụ lục quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Cụ thể: Cấp tỉnh áp dụng 80%, cấp huyện áp dụng 70% và cấp trường áp dụng 60%.

### **Điều 4. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán hàng năm của các đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Các nội dung khác có liên quan đến công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các nhiệm vụ quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 2 thông qua ngày 05 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2022./.

*Nơi nhận:* 

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu;
- Các: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - SNV;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CT.HĐND, DN, HC-TC-QT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Trung**

**Phụ lục**  
**MỘT SỐ MỨC CHI TIỀN CÔNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THI ĐÓI VỚI**  
**GIÁO DỤC PHỔ THÔNG ÁP DỤNG TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
<b>1</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh</b>		
<b>1.1</b>	<b><i>Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi</i></b>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Thường trực/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	550
c	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	500
d	Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng trong (24/24h)	Người/ngày	450
e	Nhân viên phục vụ, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
<b>1.2</b>	<b><i>Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi</i></b>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	550
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	400
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
e	Thành viên bộ phận vận chuyển đề thi	Người/ngày	400
<b>1.3</b>	<b><i>Thành viên Ban Chỉ đạo thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i></b>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	700
b	Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	600
c	Phó Trưởng ban	Người/ngày	500
d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	450
e	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	150
<b>1.4</b>	<b><i>Hội đồng thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i></b>		
a	Chủ tịch	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	450
c	Ủy viên	Người/ngày	400
<b>1.5</b>	<b><i>Thành viên Ban Thư ký (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i></b>		
a	Trưởng ban	Người/ngày	550
b	Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
c	Ủy viên	Người/ngày	400

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
<b>1.6</b>	<b><i>Thành viên Hội đồng/Ban coi thi</i></b>		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	500
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
d	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi	Người/ngày	400
e	Công an, bảo vệ	Người/ngày	150
<b>1.7</b>	<b><i>Thành viên Ban/Tổ làm phách</i></b>		
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	550
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	450
c	Ủy viên, thư ký, công an, bảo vệ làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	400
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	150
<b>1.8</b>	<b><i>Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi:</i></b> Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi		
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	500
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450
d	Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	400
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	150
<b>1.9</b>	<b><i>Thành viên Hội đồng xét tốt nghiệp THCS/THPT</i></b>		
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	550
b	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	450
c	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	400
<b>2</b>	<b><i>Tiền công ra đề thi</i></b>		
<b>2.1</b>	<b><i>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</i></b>		
a	Chủ trì	Người/ngày	600
b	Các thành viên	Người/ngày	400
<b>2.2</b>	<b><i>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</i></b>		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
a	Thi tuyển sinh đầu cấp	Đề	600
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề theo phân môn	800
c	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia	Đề theo phân môn	1.000
2.3	<b>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm</b>		
a	Thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày	600
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	750
c	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	850
3	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi</b>		
3.1	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>		
a	Chủ trì	Người/ngày	750
b	Thành viên	Người/ngày	600
3.2	<b>Tiền công đối với câu hỏi</b>		
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	70
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	60
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	50
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	35
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	10
3.4	<b>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</b>		
a	Chủ trì	Người/ngày	750
b	Thành viên	Người/ngày	600
4	<b>Tiền công chấm thi:</b> <b>Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm;</b> <b>Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm</b> (Định mức chấm bài thi tự luận, thi nói và thi thực hành, bài thi tin học theo ngày của mỗi cán bộ chấm thi: - Kỳ thi chọn học sinh giỏi, thi chọn đội tuyển học sinh giỏi dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia: tối đa 20 bài/người/ngày - Kỳ thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đầu cấp: tối đa 30 bài/người/ngày)		
4.1	Thi tuyển sinh đầu cấp	Người/ngày	500

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Nghìn đồng)
4.2	Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	600
4.3	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	700
4.4	Thi chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/ngày	800
5	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi</b>		
5.1	<i>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (riêng trường chuyên thực hiện theo Nghị quyết số 18/2013/NQ-HĐND ngày 19/7/2013 của HĐND tỉnh. Trường hợp Nghị quyết 18 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản quy định mới)</i>		
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	200
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Người/giờ	300
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/giờ	350
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	400
5.2	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia</b>		
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Người/giờ	400
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Người/giờ	450
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	500
6	<b>Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi (Chỉ áp dụng đối với cán bộ làm công tác thanh tra kiêm nhiệm)</b>		
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	500
b	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	350
c	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	400

**Lưu ý:** Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông quy định tại Điều 3 Nghị quyết này: Ban tổ chức áp dụng theo các chức danh của Hội đồng thi (tại mục 1.4): Chủ tịch Hội đồng tương ứng với Trưởng ban, Phó Chủ tịch Hội đồng tương ứng với Phó Trưởng ban; Hội đồng thẩm định, Ban Giám khảo áp dụng theo các chức danh Hội đồng/Ban chấm thi (mục 1.8); mức chi tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận, tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm, tiền công chấm thi áp dụng mức chi tương ứng tại Mục 2.2a, 2.3a, 4.1./.